Chi tiết mã HS 3215.90.10

Mã HS	3215.90.10
Mô tả hàng hóa	Mực in, mực viết hoặc mực vẽ và các loại mực khác, đã hoặc chưa cô đặc hoặc làm thành thể rắn / - Loại khác: / - - Khối carbon loại dùng để sản xuất giấy than
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 10:45:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/32159010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	10.5	10,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4912
Thuế NK ưu đãi (MFN)	7	7%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4912
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4912
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4.9	4,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4808
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4769
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4769
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4769
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4769
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4769
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4769
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4813
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4813

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4813
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4813
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4813
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4813
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4811
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4811
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4811
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4811
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4811
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4811
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4811
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4775
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4771
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4771
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4771
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4771
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4771
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4771
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4780
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4780
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4780
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4780
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4780
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4780
VCFTA	2022	2022	1	VC!D4818
VCFTA	2023	2023	1	VC!E4818

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4818
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4818
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4818
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4818
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4815
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4815
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4815
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4815
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4815
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4815
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4823
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4823
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4823
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4823
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4823
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4823
EVFTA	2022	2022	1,7	EV-NK!D4794
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4794
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4794
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4794
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4794
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4794
UKVFTA	2022	2022	1,7	UKV!D4796
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4796
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4796
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4796

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4796
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4796
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4794
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4794
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4794
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4794
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4794
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4794
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4794
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4815
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4815
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4815
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4815
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4815
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4815
RCEP B	2022	2022	0	B!D4815
RCEP B	2023	2023	0	B!E4815
RCEP B	2024	2024	0	B!F4815
RCEP B	2025	2025	0	B!G4815
RCEP B	2026	2026	0	B!H4815
RCEP B	2027	2027	0	B!I4815
RCEP C	2022	2022	0	C!D4815
RCEP C	2023	2023	0	C!E4815
RCEP C	2024	2024	0	C!F4815
RCEP C	2025	2025	0	C!G4815
RCEP C	2026	2026	0	C!H4815

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4815
RCEP D	2022	2022	0	D!D4815
RCEP D	2023	2023	0	D!E4815
RCEP D	2024	2024	0	D!F4815
RCEP D	2025	2025	0	D!G4815
RCEP D	2026	2026	0	D!H4815
RCEP D	2027	2027	0	D!I4815
RCEP E	2022	2022	0	E!D4818
RCEP E	2023	2023	0	E!E4818
RCEP E	2024	2024	0	E!F4818
RCEP E	2025	2025	0	E!G4818
RCEP E	2026	2026	0	E!H4818
RCEP E	2027	2027	0	E!I4818
RCEP F	2022	2022	0	F!D4815
RCEP F	2023	2023	0	F!E4815
RCEP F	2024	2024	0	F!F4815
RCEP F	2025	2025	0	F!G4815
RCEP F	2026	2026	0	F!H4815
RCEP F	2027	2027	0	F!I4815
VIFTA	2024	2024	6.3	VI!F4437
VIFTA	2025	2025	5.6	VI!G4437
VIFTA	2026	2026	4.9	VI!H4437
VIFTA	2027	2027	4.2	VI!I4437

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3215.90 có 4 dòng thuế; dòng 3215.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Khối carbon loại dùng để sản xuất giấy than.	3215.90.60 Mực vẽ hoặc mực viết; 3215.90.70 Mực dùng cho máy nhân bản thuộc nhóm 84.72 (SEN); 3215.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3215.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 7% của mã 3215.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4912), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.